

Số: 34/NQ-HĐT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai;
- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Sơn

QUY CHẾ

Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 01 tháng 9 năm 2023
của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về: Nhiệm vụ và quyền hạn; tổ chức và quản lý của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (gọi tắt là Trường hay Nhà trường, Viết tắt là ĐHCNĐN); hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế; công tác tổ chức nhân sự; giảng viên và người học; tài chính và tài sản; quan hệ giữa Nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, người quản lý, người lao động và người học của Trường.

3. Các quy định, quy chế nội bộ khác của Trường được ban hành phải phù hợp với quy định của pháp luật và của Quy chế này; trường hợp có quy định không phù hợp với nội dung Quy chế này thì áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giảng viên cơ hữu, người quản lý cơ hữu, chuyên viên cơ hữu, nhân viên cơ hữu

Chuyên viên cơ hữu, nhân viên cơ hữu của Trường là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do Nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

Giảng viên, người quản lý cơ hữu của Trường là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do Nhà trường trả lương

và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

2. *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Trường, bao gồm góp vốn để thành lập Trường hoặc góp thêm vốn điều lệ của Trường đã được thành lập. Tài sản góp vốn có thể bằng đồng Việt Nam (VNĐ), vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất (đất), giá trị quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác được ghi trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Tổng giá trị các tài sản do các cá nhân đóng góp được quy đổi thành đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá quy định của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm góp vốn.

3. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị tài sản góp của tất cả các thành viên góp để thành lập Trường hoặc góp khi Trường đã thành lập. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ có thể được gia tăng theo nhu cầu xây dựng và phát triển Nhà trường.

4. *Thành viên sáng lập* là người tham gia trực tiếp đề xuất, chuẩn bị thành lập Trường, có tên trong danh sách thành viên sáng lập tại hồ sơ đề nghị thành lập Trường, tham gia xây dựng và thông qua Quy chế Tổ chức và Hoạt động đầu tiên của Nhà trường và có số vốn góp đáp ứng quy định của Trường.

5. *Quyền tự chủ* là quyền của Nhà trường được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của Trường.

6. *Trách nhiệm giải trình* là việc Nhà trường có trách nhiệm báo cáo, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan về việc tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đúng quy định, cam kết của Nhà trường.

7. *Ngành* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, phân loại.

8. *Chuyên ngành* là một phần kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu có tính độc lập trong một ngành, do Nhà trường quyết định.

9. *Lĩnh vực* là tập hợp các nhóm ngành có điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Thủ tướng Chính phủ thống kê, phân loại.

10. *Đơn vị trực thuộc ĐHCNĐN* là đơn vị có tư cách pháp nhân của ĐHCNĐN, do Hội đồng trường quyết định thành lập; tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCNĐN.

11. *Đơn vị thuộc ĐHCNĐN* là đơn vị không có tư cách pháp nhân của ĐHCNĐN, do Hội đồng trường quyết định việc thành lập; tổ chức và hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCNĐN, phù hợp với quy định của pháp luật.

12. Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHCNĐN còn được hiểu là các quy định khác về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường do Hội đồng trường ban hành ngoài các quy định tại Quy chế này.

13. *Quy định khác của Nhà trường* là các quy định do Hiệu trưởng, các bộ phận chức năng theo phân cấp của Nhà trường ban hành, điều chỉnh các lĩnh vực trong hoạt động của Nhà trường ngoài các quy định được quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Vị trí pháp lý, tên trường

1. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là cơ sở giáo dục tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.

2. Tên tiếng Việt của Trường là: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Tên viết tắt tiếng Việt: ĐHCNĐN

Tên tiếng Anh: DONG NAI TECHNOLOGY UNIVERSITY

Tên viết tắt tiếng Anh: DNTU

Website: <https://dntu.edu.vn>

Email: info@dntu.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/dntuedu/>

Địa chỉ trụ sở chính của Trường: Số 206, Đường Nguyễn Khuyến, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Logo của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.



4. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai có chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 4. Ngày truyền thống, bài hát truyền thống, biểu trưng

1. Ngày truyền thống là ngày thành lập Trường: Ngày 03 tháng 10 hằng năm.

2. Bài hát truyền thống của Trường: Hành khúc Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai – Nhạc và lời: Xuân Bách

3. Biểu trưng của Trường

a) Biểu trưng của Trường được thể hiện như hình trong khoản 3 Điều 3, Quy chế này.



b) Biểu trưng của Trường được mô tả như sau:

Biểu trưng được thể hiện bằng 3 hình nhân xếp liên tục từ nhỏ đến lớn, tổng quan chung tạo thành hình nhân lớn mặc lễ phục tốt nghiệp hướng mặt hình nhân về phía phải thể hiện hành trình đi lên liên tiếp của các cấp bậc đào tạo thuộc hệ thống đào tạo liên cấp từ tiểu học đến đại học của Trường; màu sắc có 2 màu chủ đạo là màu đỏ thể hiện cho sự nhiệt huyết, khát vọng mạnh mẽ vươn lên của Trường, màu xanh da trời thể hiện giá trị của sự hưng thịnh, bền vững trong sự nghiệp giáo dục đào tạo của Trường; phía dưới hình nhân là cụm từ DNTU viết tắt tên Trường bằng tiếng Anh là Dong Nai Technology University theo xu hướng hội nhập quốc tế.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của Trường

1. Chức năng của Trường

a) Đào tạo trình độ đại học và sau đại học; tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

b) Tổ chức và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

c) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, các hoạt động khác phục vụ xã hội và cộng đồng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường:

- a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển ĐHCNĐN;
- b) Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;
- c) Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;
- d) Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, người quản lý, nhân viên, người lao động;
- đ) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, người quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;
- e) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục;
- g) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật;
- h) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị;
- i) Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài;
- k) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi ĐHCNĐN có tổ chức hoạt động đào tạo theo quy định;
- l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền tự chủ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Nhà trường đã đảm bảo đáp ứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ theo quy định của Luật Giáo dục đại học quy định cụ thể như sau:

- a) Thành lập Hội đồng trường; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp;
- b) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định;

c) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong trường;

d) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn bao gồm ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Quyền tự chủ trong tổ chức và nhân sự bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, danh mục, tiêu chuẩn, chế độ của từng vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng và cho thôi việc đối với giảng viên và người lao động khác, quyết định nhân sự quản trị, quản lý trong trường phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Quyền tự chủ trong tài chính và tài sản bao gồm ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về nguồn thu, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản; thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển; chính sách học phí, học bổng cho sinh viên và chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm giải trình của Hội đồng trường đối với nhà đầu tư, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan được quy định như sau:

a) Giải trình về việc thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, về việc quy định, thực hiện quy định của Nhà trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện quy định, cam kết bảo đảm chất lượng hoạt động;

b) Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền;

c) Giải trình về mức lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường tại hội nghị Nhà đầu tư; thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hằng năm, kiểm toán đầu tư và mua sắm; giải trình về hoạt động của Trường trước chủ sở hữu, cơ quan quản lý có thẩm quyền;

d) Thực hiện công khai trung thực báo cáo tài chính hằng năm và nội dung khác trên trang thông tin điện tử của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Thực hiện nội dung, hình thức giải trình khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và khẩu hiệu của Trường

1. Định hướng chiến lược “Xây dựng môi trường giáo dục dạy và học hiện đại, mang đến cho người học chương trình giáo dục tiên tiến đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ

và xu hướng hội nhập; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp và cộng đồng xã hội”.

2. Tầm nhìn của Nhà trường: “Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng”.

3. Sứ mạng của Nhà trường: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững”.

4. Giá trị cốt lõi: “Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo”

5. Triết lý giáo dục: “Chuyên nghiệp - Tận tâm - Vươn tầm - Hội nhập”

6. Khẩu hiệu: “ĐHCNĐN điem đến thành công”.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng giai đoạn, Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và khẩu hiệu của ĐHCNĐN trong từng giai đoạn có thể thay đổi theo quyết định của Hội đồng trường trên cơ sở đánh giá kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

Điều 7. Mục tiêu của giáo dục đại học của Trường

1. Mục tiêu chung:

a) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

b) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo;

c) Đào tạo trình độ tiến sĩ để nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên

lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

Điều 8. Trình độ và hình thức đào tạo

1. Các trình độ đào tạo của ĐHCNĐN bao gồm trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

2. Hình thức đào tạo để cấp văn bằng các trình độ đào tạo của ĐHCNĐN bao gồm chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa. Việc chuyển đổi giữa các hình thức đào tạo được thực hiện theo nguyên tắc liên thông.

3. ĐHCNĐN tổ chức hoạt động giáo dục thường xuyên, cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận phù hợp với ngành, lĩnh vực đào tạo, đào tạo một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

Điều 9. Ngôn ngữ dùng trong Trường

Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong ĐHCNĐN. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục của Nhà trường trong từng giai đoạn, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học, Hiệu trưởng ĐHCNĐN quyết định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong Trường.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn thể và tổ chức xã hội trong Trường

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong ĐHCNĐN được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật.

2. Đoàn thể, tổ chức xã hội trong ĐHCNĐN được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của đoàn thể, tổ chức xã hội.

3. Nhà trường tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, đoàn thể và tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

1. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai có cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật Giáo dục đại học, bao gồm:

a) Hội đồng trường;

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;

c) Hội đồng khoa học và đào tạo; hội đồng khác (nếu có);

d) Khoa, phòng chức năng, thư viện, trung tâm, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác;

e) Trường, phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác theo nhu cầu phát triển của Trường.

f) Sơ đồ cơ cấu tổ chức của ĐHCNĐN (Phụ lục 1)

2. Việc thành lập các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc Trường:

Hội đồng trường căn cứ vào quy mô, tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Trường trong từng giai đoạn sẽ quyết định về việc thành lập, sáp nhập, giải thể; xác định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị. Ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý người quản lý, giảng viên và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

Mối quan hệ và mức độ tự chủ của đơn vị thuộc, trực thuộc được quy định trong Quy chế này và các quy định, quy chế khác của Trường.

Điều 12. Phân hiệu của Trường

Phân hiệu của ĐHCNĐN (nếu có) được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể sau đây:

1. Phân hiệu của ĐHCNĐN do Hội đồng trường thành lập, có giám đốc, phó giám đốc phân hiệu và các đơn vị phục vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của phân hiệu. Tổ chức và hoạt động của phân hiệu được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của phân hiệu: Thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHCNĐN được giao, tuân thủ sự điều hành chung của Hiệu trưởng

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đầu tư thành lập Trường đại học Công nghệ Đồng Nai bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Nhà đầu tư đồng thời là người sáng lập ĐHCNĐN gồm:

- Ông Phan Ngọc Sơn – Sinh năm 1960
- Bà Võ Thị Thanh Hoa – Sinh năm 1962

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Nhà đầu tư

a) Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển ĐHCNĐN, kế hoạch phát triển trường đại học thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác theo đề xuất của hội đồng trường;

b) Quyết định tổng vốn góp của nhà đầu tư, dự án đầu tư phát triển ĐHCNĐN, việc huy động vốn đầu tư (nếu có); phương án sử dụng phần chênh lệch thu chi hằng năm hoặc phương án xử lý lỗ của ĐHCNĐN; thông qua báo cáo tài chính hằng năm của ĐHCNĐN;

c) Bầu hoặc cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên bầu của Hội đồng trường, thông qua tiêu chuẩn, phương án nhân sự Hiệu trưởng ĐHCNĐN;

d) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Hội đồng trường;

e) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính của ĐHCNĐN; thông qua nội dung liên quan đến tài chính, tài sản trong quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCNĐN, về chính sách tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh quản lý trong ĐHCNĐN;

f) Thành lập ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ĐHCNĐN và các đơn vị của ĐHCNĐN; thủ tục thành lập, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

g) Xem xét, xử lý vi phạm của hội đồng trường gây thiệt hại cho Trường theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

h) Quyết định tổ chức lại, giải thể ĐHCNĐN theo quy định của pháp luật;

i) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư vào ĐHCNĐN trên trang thông tin điện tử của ĐHCNĐN;

j) Trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Luật đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

k) Các cá nhân góp vốn đầu tư vào ĐHCNĐN: Có phụ lục 2 kèm theo.

Mục 2

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Điều 14. Hội đồng trường

Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là tổ chức quản trị, đại diện cho nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của nhà đầu tư.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường

Hội đồng trường có các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; chủ trương phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thành đại học hoặc việc sáp nhập với trường đại học khác.

2. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

4. Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị của Nhà trường; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý người quản lý, giảng viên và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng trường đại học; lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

6. Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường.

7. Quyết định:

- Chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị trên (01) một tỷ đồng thuộc thẩm quyền của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- Các vấn đề liên quan đến việc: cầm cố, thế chấp, cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các tài sản của Nhà trường; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý Trường theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác theo quy định của Nhà trường.

- Các vấn đề về thu chi tài chính theo Quy chế Thu, chi nội bộ của Nhà trường.

8. Giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường; báo cáo hằng năm trước hội nghị toàn thể của Nhà trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường.

9. Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Nhà trường.

10. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của Nhà trường.

Điều 16. Số lượng, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường

1. Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai có số lượng thành viên là 9 người.

2. Cơ cấu Hội đồng trường:

Hội đồng trường bao gồm đại diện nhà đầu tư, thành viên trong và ngoài trường do hội nghị nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp; số thành viên đại diện nhà đầu tư không ít hơn 50%.

Thành viên trong trường đại học bao gồm thành viên đương nhiên và thành viên bầu bởi hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của Trường. Thành viên đương nhiên bao gồm bí thư cấp ủy, hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, đại diện Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là người học của Trường. Thành viên bầu bao gồm đại diện giảng viên và người lao động của Trường.

Thành viên ngoài Trường do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của Trường bầu bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động.

Trường hợp có thành viên của Hội đồng trường bị khuyết thì Chủ tịch Hội đồng trường căn cứ vào thành phần của thành viên bị khuyết để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế theo quy định và gửi hồ sơ đề nghị công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường đến hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu của Trường.

Hội đồng trường ĐHCNĐN gồm: Chủ tịch Hội đồng trường, 1 đến 2 Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký và các thành viên Hội đồng trường.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường, của Hiệu trưởng hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên của Hội đồng trường. Cuộc họp Hội đồng trường là họp lệ khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp, trong đó có thành viên ngoài Trường.

4. Hội đồng trường làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định các vấn đề theo đa số biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng trường. Quyết định của Hội đồng trường được thể hiện bằng hình thức nghị quyết.

5. Trong các cuộc họp của Hội đồng trường, Hiệu trưởng có quyền tham dự, thảo luận và chỉ được biểu quyết khi là thành viên Hội đồng trường.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng trường

1. Chủ tịch Hội đồng trường là nhân sự cơ hữu hoặc nhân sự kiêm nhiệm của Trường, do Hội đồng trường bầu và được hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu Nhà trường công nhận, là người đại diện theo pháp luật của ĐHCNĐN, là chủ tài khoản của Trường đại học Công nghệ Đồng Nai

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng trường

Chủ tịch Hội đồng trường là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; độ tuổi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường theo quy định của pháp luật;

Trường hợp thành viên ngoài trường được bầu làm Chủ tịch Hội đồng trường thì phải trở thành nhân sự cơ hữu của ĐHCNĐN; Chủ tịch Hội đồng trường không kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong ĐHCNĐN.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trường: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng trường; ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng trường; sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường đại học để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng trường;

thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường, nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường là người đại diện theo pháp luật của Nhà trường hoặc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định như: Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và quyết định của Hội đồng trường thì phải đáp ứng tiêu chuẩn như đối với Hiệu trưởng; phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

4. Trong trường hợp chưa thể bầu được Chủ tịch Hội đồng trường hoặc Chủ tịch Hội đồng trường không thể tiếp tục làm việc hoặc thuộc các trường hợp đang đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định, Hội nghị Nhà đầu tư cử quyền Chủ tịch Hội đồng trường trong số các thành viên của Hội đồng trường; việc cử quyền Chủ tịch Hội đồng trường có thời hạn không quá 6 tháng, kể từ ngày có quyết định.

5. Chủ tịch Hội đồng trường có thể uỷ quyền cho các Phó Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện một số nhiệm vụ, lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng trường. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng trường đi vắng hoặc trong trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng trường uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng trường với thời hạn không quá 6 tháng, việc uỷ quyền được thực hiện bằng văn bản và Chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các Phó Chủ tịch Hội đồng trường.

6. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường do Hội đồng trường quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường và không đảm nhận quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội đồng trường

1. Phó Chủ tịch Hội đồng trường là nhân sự cơ hữu hoặc nhân sự kiêm nhiệm của ĐHCNĐN, do Hội đồng trường bầu và được hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ĐHCNĐN công nhận.

2. Tiêu chuẩn của Phó chủ tịch Hội đồng trường

Phó Chủ tịch Hội đồng trường là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; độ tuổi đảm nhiệm chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng trường theo quy định của Trường;

Trường hợp thành viên ngoài trường được bầu làm Phó chủ tịch Hội đồng trường thì phải trở thành nhân sự cơ hữu của ĐHCNĐN; Phó Chủ tịch Hội đồng trường có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong ĐHCNĐN.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng trường: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng trường và Hội đồng trường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng trường và Hội đồng trường về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

4. Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch Hội đồng trường do Hội đồng trường quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường và đảm nhận với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 19. Thư ký Hội đồng trường

Thư ký của Hội đồng trường do Chủ tịch Hội đồng trường giới thiệu trong số các thành viên của Hội đồng trường và bổ nhiệm khi được Hội đồng trường thông qua với trên 50% tổng số thành viên dự họp đồng ý. Thư ký Hội đồng trường không kiêm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây:

- Tổng hợp thông tin về hoạt động của trường báo cáo Chủ tịch hội đồng trường; chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của hội đồng; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng trường.
- Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng trường.
- Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng trường giao.

Điều 20. Thành lập Hội đồng trường và bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng trường

1. Hội đồng trường của ĐHCNĐN được thành lập như sau:

Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho hội đồng trường đương nhiệm tổ chức thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trường theo trình tự sau:

Bước 1. Xác định số lượng, tỷ lệ thành phần tham gia hội đồng trường

Sáu tháng trước khi nhiệm kỳ của Hội đồng trường kết thúc, Nhà đầu tư cử người đại diện triệu tập và chủ trì cuộc họp gồm thành viên sáng lập và thành viên góp vốn để xác định số lượng, cơ cấu các thành viên của Hội đồng trường theo quy định và số lượng thành viên của từng thành phần tham gia Hội đồng trường (bao gồm cả việc xác định danh sách thành viên trong và bên ngoài Trường); chỉ đạo Hiệu trưởng, tổ chức đại diện người học tiến hành thủ tục cử người tham gia Hội đồng trường theo số lượng đã được Nhà đầu tư quyết định.

Số lượng thành viên của Trường là 9 thành viên, tỷ lệ thành viên đại diện Nhà đầu tư không dưới 50%. Tỷ lệ cụ thể trong mỗi nhiệm kỳ do Nhà đầu tư quyết định.

Bước 2. Cử, bầu những người tham gia Hội đồng trường

- Nhà đầu tư cử hoặc bầu theo tỷ lệ góp vốn đối với: Đại diện Nhà đầu tư;

- Hiệu trưởng tổ chức hội nghị toàn thể để giới thiệu các Thành viên ngoài trường đại học là nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động; thành viên trong trường đại học là đại diện giảng viên, người lao động tham gia Hội đồng trường (trên cơ sở danh sách đề cử của BCH và Hội đồng trường).

- Tổ chức của người học (Hội sinh viên) cử hoặc giới thiệu người học tham gia hội đồng trường (nếu có).

Việc triển khai giới thiệu người tham gia Hội đồng trường đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ và có biên bản họp.

Thư ký Hội đồng trường tổng hợp danh sách, kèm theo hồ sơ cá nhân những người tham gia Hội đồng trường từ Hiệu trưởng, Hội sinh viên trình Nhà đầu tư xem xét.

Bước 3. Bầu Chủ tịch Hội đồng trường

Người có tỷ lệ vốn góp cao nhất trong số các thành viên tham gia Hội đồng trường chủ trì tiến hành họp các thành viên tham gia Hội đồng trường để bầu Chủ tịch Hội đồng trường, theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và theo đa số. Người chủ trì thống nhất cử người ghi biên bản, tổ chức việc bầu và kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Phó Chủ tịch Hội đồng trường (nếu có) và thư ký Hội đồng trường do Chủ tịch Hội đồng trường giới thiệu trình Nhà đầu tư phê duyệt.

Bước 4. Lập hồ sơ công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng Trường.

Sau 15 ngày kể từ ngày Bầu Chủ tịch Hội đồng trường, người đại diện (chủ trì việc bầu) làm hồ sơ đề nghị công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường gồm: Tờ trình đề nghị công nhận Hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên Hội đồng trường; danh sách chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; sơ yếu lý lịch của các thành viên; văn bản đồng ý tham gia của Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu chủ tịch hội đồng trường cho Hội nghị các nhà đầu tư để ra quyết định công nhận Hội đồng trường, các thành viên, Chủ tịch Hội đồng trường; phê duyệt Phó Chủ tịch Hội đồng trường (nếu có), Thư ký Hội đồng trường (nếu có).

Bước 5, Công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu Trường ra quyết định công nhận Hội đồng trường, các thành viên hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường; phê duyệt Phó chủ tịch (nếu có), Thư ký Hội đồng trường, trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp chủ tịch hội đồng trường bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định như: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng trường; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc đang chấp hành bản án của tòa án; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm; hoặc trường hợp khác theo quy định của Trường thì phó chủ tịch (nếu có), hoặc thư ký hội đồng trường (nếu không có phó chủ tịch) tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới theo quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ra quyết định công nhận

Điều 21. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các thành viên Hội đồng trường

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các thành viên Hội đồng trường được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng trường;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị ốm đau, tai nạn không có khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ việc để điều trị bệnh quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục;
- c) Đang chấp hành bản án của tòa án hoặc các trường hợp vi phạm khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;
- d) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- e) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng trường trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- f) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này;
- g) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ thành viên Hội đồng trường;
- h) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;
- i) Không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng trường.

Trong trường hợp có đề xuất hợp pháp về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường thì phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có) hoặc thư ký hội đồng trường (nếu không có phó chủ tịch hội đồng trường) hoặc một thành viên hội đồng trường được trên 50% thành viên hội đồng trường đề nghị (nếu đã có đề xuất hợp pháp quá 30 ngày mà phó chủ tịch hoặc thư ký hội đồng trường không thực hiện) chủ trì cuộc họp giải quyết; cuộc họp phải bảo đảm về tỷ lệ và thành phần tham gia, tỷ lệ biểu quyết theo quy định của pháp luật

2. Hội đồng trường xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học quyết định, bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu Trường ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 22. Hiệu trưởng

1. Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của ĐHCNĐN theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCNĐN. Hiệu trưởng ĐHCNĐN do Hội đồng trường quyết định bổ nhiệm.

Nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm của Hiệu trưởng ĐHCNĐN do Hội đồng trường quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường và không giữ chức Hiệu trưởng quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Tiêu chuẩn của Hiệu trưởng

Là người có quốc tịch Việt Nam, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ tiến sĩ, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý giáo dục đại học; độ tuổi đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng ĐHCNĐN không quá 65 tuổi.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng:

a) Là người đại diện theo ủy quyền của Trường đại học Công nghệ Đồng Nai khi được Chủ tịch Hội đồng trường ủy quyền;

b) Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường và quyết định của Hội đồng trường;

c) Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng trường sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường; ban hành quy định khác của trường theo quy chế tổ chức và hoạt động;

d) Đề xuất Hội đồng trường xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý khác của trường theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

e) Hằng năm, báo cáo trước Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ của ban giám hiệu, thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

f) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trường và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng ĐHCNĐN do Hội đồng trường bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đồng ý; có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường và có thể được bầu, công nhận lại theo quy định trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Nhà trường.

Hồ sơ bổ nhiệm Hiệu trưởng bao gồm: Nghị quyết của Hội đồng trường, biên bản họp bầu, phiếu bầu, hồ sơ cá nhân (lý lịch khoa học và bản sao bằng tiến sĩ, Căn cước công dân).

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hiệu trưởng được thực hiện trong các trường hợp:

- Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi giữ chức Hiệu trưởng;
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị ốm đau, tai nạn không có khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ việc để điều trị bệnh quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục;
- Đang chấp hành bản án của tòa án hoặc các trường hợp vi phạm khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;
- Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm;
- Không thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này;
- Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng;
- Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;

- Không còn uy tín để giữ chức vụ Hiệu trưởng.

c) Hội đồng trường xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hiệu trưởng và gửi hồ sơ đề nghị Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học quyết định, bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm.

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu Trường ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Hiệu trưởng; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 23. Phó Hiệu trưởng

1. Phó Hiệu trưởng giúp cho Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng, giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hiệu trưởng về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

2. Phó Hiệu trưởng phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có uy tín và năng lực quản lý, đã tham gia quản lý cấp bộ môn hoặc tương đương trở lên ở trường đại học ít nhất 5 năm, có trình độ tối thiểu là thạc sĩ; Trường hợp Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ từ Tiến sĩ trở lên. Độ tuổi giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng không quá 65 đối với nam và không quá 60 đối với nữ;

3. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Phó Hiệu trưởng

Quy trình, thủ tục và thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Phó Hiệu trưởng thực hiện như đối với bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Hiệu trưởng.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Hiệu trưởng

- Phó Hiệu trưởng có nhiệm vụ trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng; được thay mặt Hiệu trưởng giải quyết và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật đối với công việc đã giải quyết; có trách nhiệm báo cáo với Hiệu trưởng về tình hình công việc được giao. Tiêu chuẩn của Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học được quy định như tiêu chuẩn đối với Hiệu trưởng.

6. Trong trường hợp Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm chưa phải là giảng viên hoặc nhân sự quản lý cơ hữu của Trường, sau khi được Hội đồng trường ra quyết định bổ nhiệm, Phó Hiệu trưởng phải trở thành nhân sự quản lý, giảng viên cơ hữu của Nhà trường.

7. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban Giám hiệu sau khi thông qua Chủ tịch Hội đồng trường.

Điều 24. Ban kiểm soát

1. Căn cứ quy mô của ĐHCNĐN Hội nghị các nhà đầu tư quyết định bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban kiểm soát gồm 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch đào tạo, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của ĐHCNĐN;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;

c) Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của ĐHCNĐN;

d) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

e) Kiểm tra, giám sát các giao dịch của ĐHCNĐN với các bên có liên quan;

f) Kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn, giao dịch mua, bán và giao dịch hoạt động khác có quy mô lớn hoặc giao dịch bất thường của ĐHCNĐN;

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này cho Hội nghị các nhà đầu tư và Hội đồng trường;

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội nghị các nhà đầu tư hoặc quy định tại Quy chế này, các văn bản của trường.

3. Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do Hội nghị các nhà đầu tư quyết định và chi trả.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

1. Có trình độ đại học trở lên, được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, quản lý giáo dục, quản lý kinh tế và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế được đào tạo.

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:

- a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của ĐHCNĐN;
 - b) Thành viên Hội đồng trường;
 - c) Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng của ĐHCNĐN;
 - d) Kiểm soát viên khác của ĐHCNĐN;
3. Không được kiêm Hiệu trưởng của ĐHCNĐN;
 4. Không được đồng thời là Kế toán viên, thành viên Hội đồng trường của ĐHCNĐN;
 5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác nếu có theo quy định của Trường.

Điều 26. Quyền của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng trường, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng trường; có quyền chất vấn Hội đồng trường, thành viên Hội đồng trường và Hiệu trưởng về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành ĐHCNĐN.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Hội đồng trường, thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo, thực trạng tài chính, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ ĐHCNĐN.

4. Yêu cầu thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đào tạo, đầu tư của ĐHCNĐN.

5. Yêu cầu những người quản lý ĐHCNĐN báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả hoạt động của ĐHCNĐN khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý đào tạo, trái quy định các quy chế quản trị nội bộ ĐHCNĐN phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, các thành viên khác của Ban kiểm soát và cá nhân có liên quan.

7. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

8. Thực hiện các quyền khác quy định tại Quy chế này và các văn bản liên quan.

Điều 27. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại ĐHCNĐN; các thành viên khác có thể tham gia Ban kiểm soát của không quá 01 trường đại học khác nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng thành viên.

3. Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

4. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi quý một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 28. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động ĐHCNĐN, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Giáo dục đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động ĐHCNĐN.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của ĐHCNĐN và lợi ích hợp pháp của các bên tại ĐHCNĐN.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và ĐHCNĐN; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của ĐHCNĐN để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho ĐHCNĐN thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

6. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đều phải trả lại ĐHCNĐN.

7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Ban kiểm soát có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 29. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này;
- b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;
- c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động ĐHCNĐN và quy định của pháp luật có liên quan;

Điều 30. Hội nghị Nhà đầu tư và các phương thức hoạt động của Nhà đầu tư

a) Hội nghị nhà đầu tư là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của ĐHCNĐN, quyết định các vấn đề:

- Kết nạp, cho thôi tư cách nhà đầu tư;
- Giải thể Trường;
- Tăng hoặc giảm vốn điều lệ;
- Quyết định thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của Hội đồng trường;
- Công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng;
- Lựa chọn áp dụng quy định của pháp luật liên quan về công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc quỹ xã hội để giải quyết những vấn đề trong Trường mà Luật Giáo dục đại học chưa quy định;
- Các vấn đề khác theo thẩm quyền của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và các quy định của Trường.

b) Phương thức hoạt động của Nhà đầu tư

- Các nhà đầu tư tiến hành các hoạt động, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trực tiếp theo quy định, hoặc thông qua Hội nghị các nhà đầu tư.
- Trình tự, thủ tục của Hội nghị các nhà đầu tư như đối với Hội đồng trường.

Điều 31. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và đào tạo của ĐHCNĐN có nhiệm vụ tư vấn về việc xây dựng:

- a) Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm;
- b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường;
- c) Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng Khoa học và đào tạo thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về những công việc liên quan đến: Đổi mới và phát triển, hủy bỏ ngành đào tạo, chương trình đào tạo; định hướng phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; thẩm định chương trình đào tạo; xem xét công nhận chuyển đổi tín chỉ; kế hoạch hợp tác với cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức và cá nhân ở trong nước, nước ngoài để triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, khoa học và công nghệ; đề xuất danh sách thành viên hội đồng chức danh giáo sư cơ sở; bổ nhiệm các chức danh giáo sư, phó giáo sư trong trường, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường; trao tặng danh hiệu giáo sư danh dự, tiến sĩ danh dự của Nhà trường cho các cá nhân; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng Nhà trường; các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá giảng viên, đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san khoa học công nghệ (nếu có), đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trong trường.

3. Hội đồng Khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, có Chủ tịch, Thư ký và các thành viên; có số lượng thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, bao gồm: Hiệu trưởng; các Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; trưởng các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học; các nhà khoa học có uy tín đại diện cho các lĩnh vực, ngành chuyên môn của Nhà trường có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ trong và ngoài trường. Quy định cụ thể về Hội đồng Khoa học và đào tạo của ĐHCNĐN được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và đào tạo ĐHCNĐN. Hội đồng Khoa học và đào tạo có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo do hội đồng bầu trong các thành viên của hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và phải được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của hội đồng đồng ý; Chủ tịch hội đồng chỉ định Thư ký hội đồng trong số các thành viên của Hội đồng.

Hội đồng Khoa học và đào tạo họp ít nhất 01 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng Khoa học và đào tạo biểu quyết đồng ý. Biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

5. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo chủ trì việc xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, thành lập Thường trực Hội đồng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 32. Các khoa

1. Khoa là đơn vị chuyên môn thuộc ĐHCNĐN, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, khoa học giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

e) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa;

f) Tổ chức đánh giá người quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa và tham gia đánh giá người quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường;

g) Phụ trách việc mở ngành đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo thuộc chuyên môn của khoa theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Trường;

h) Thực hiện và phối hợp thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh các ngành thuộc khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gửi Phòng Đại học;

i) Tổ chức và phối hợp tổ chức triển khai công tác tuyển sinh hằng năm theo kế hoạch chung được phê duyệt;

j) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Nhà trường.

2. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa

a) Trưởng khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo của khoa. Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành hoặc chuyên ngành để cấp một trong các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có người có trình độ tiến sĩ thì Hiệu trưởng có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ làm Trưởng khoa. Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này, thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của Hiệu trưởng;

b) Mỗi khoa có không quá 03 Phó Trưởng khoa để giúp Trưởng khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của khoa. Đối với khoa được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo nhiều ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và có quy mô trên 2.500 người học thì có thể bổ sung 01 hoặc 02 Phó Trưởng khoa, nhưng phải được sự đồng ý của Hội đồng trường.

Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ trở lên. Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành hoặc chuyên ngành để cấp một trong các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có người có trình độ tiến sĩ thì Hiệu trưởng có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ vào vị trí Phó Trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ ở khoa này; Phó Trưởng khoa phụ trách các hoạt động không phải hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ ở các khoa chuyên ngành có thể có trình độ từ thạc sĩ;

c) Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý. Trưởng khoa có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá 3 nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Phó

Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu của Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa không quá 65 đối với nam và không quá 60 đối với nữ.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và đào tạo được Chủ tịch Hội đồng trường thông qua.

Việc miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa được thực hiện đối với một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị bằng văn bản của Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa xin thôi chức vụ;
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Sức khỏe không đủ khả năng đảm nhiệm công việc được giao, phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;
- Không hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao hằng năm;
- Chuyển công tác hoặc được phân công nhiệm vụ khác theo quyết định của Hiệu trưởng;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; sử dụng văn bằng giả hoặc văn bằng không được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
- Có trên 1/2 tổng số thành viên của Hội đồng trường kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;
- Theo đề nghị của Hiệu trưởng và được Hội đồng trường thông qua hoặc mắc các vi phạm khác đã quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

3. Hội đồng khoa học của Khoa (gọi tắt là Hội đồng khoa)

a) Hội đồng khoa được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa và Hội đồng khoa học và đào tạo để tư vấn cho Trưởng khoa trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này; tư vấn cho Trưởng khoa trong đổi mới quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của khoa. Hội đồng khoa có Chủ tịch hội đồng khoa và các thành viên do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa; có số lượng thành viên là số lẻ và có từ 5 đến 15 thành viên, gồm: Trưởng khoa, các Phó Trưởng khoa, các Trưởng Bộ môn, một số giảng viên, nghiên cứu viên trong khoa và một số thành viên bên ngoài khoa, ngoài trường có trình độ và kinh nghiệm liên quan đến phát triển chuyên môn của khoa (nếu cần thiết);

b) Chủ tịch Hội đồng khoa do Hội đồng khoa bầu trong số các thành viên Hội đồng khoa theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và được trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng khoa đồng ý;

c) Hội đồng khoa họp ít nhất 01 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày; cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng khoa biểu quyết đồng ý. Biên bản cuộc họp của Hội đồng khoa phải được gửi kèm cùng với những đề xuất tương ứng của Trưởng khoa khi trình Hiệu trưởng xem xét quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của khoa;

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

Điều 33. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc khoa.

2. Bộ môn thực hiện các quyền, nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học, học phần được giao trong chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, học phần; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung môn học, học phần được Trưởng khoa, Hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của Nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa;

e) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực chuyên môn;

f) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng, Lãnh đạo khoa.

3. Trưởng Bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ đại học, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, có trình độ tiến sĩ. Đối với bộ môn chỉ giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương, nếu không có tiến sĩ có thể bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ làm Trưởng Bộ môn. Trưởng Bộ môn có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi bổ nhiệm của Trưởng Bộ môn không quá 65 tuổi.

Trưởng Bộ môn có quyền và nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của bộ môn quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Phó Trưởng Bộ môn phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Các quy định khác đối với Phó Trưởng Bộ môn thực hiện tương tự như Trưởng Bộ môn.

Phó Trưởng bộ môn thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Bộ môn, lãnh đạo khoa và Nhà trường.

5. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng Bộ môn, Phó Trưởng Bộ môn giống như việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa.

Điều 34. Phòng chức năng, Trung tâm

1. Các phòng chức năng, Trung tâm là các đơn vị thuộc Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

2. Trưởng phòng, Giám đốc trung tâm phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng các Trưởng phòng quản lý đào tạo khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế phải có trình độ tiến sĩ và có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 5 năm; Trưởng phòng phụ trách công tác Đảm bảo chất lượng của Trường phải có kinh nghiệm giảng dạy hoặc quản lý đại học ít nhất 5 năm.

3. Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trình độ đại học trở lên, riêng đối với các phòng quản lý đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Mỗi phòng chức năng, Trung tâm của ĐHCNĐN có từ 1 đến không quá 3 cấp phó tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy mô đào tạo của Trường do Hiệu trưởng quyết định sau khi được Hội đồng trường thông qua.

4. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm nhiệm kỳ đầu tiên của những người này không quá 65 đối với nam và 60 đối với nữ tính đến tháng thực hiện quy trình bổ nhiệm.

5. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nhà trường.

6. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc giống như việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa.

Điều 35. Trung tâm Thông tin - Thư viện, trang thông tin điện tử, Tạp chí Khoa học và Công nghệ.

1. Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường có nhiệm vụ thu thập, cung cấp các thông tin, tư liệu khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên; lưu trữ bản gốc các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại Trường, các kết quả nghiên cứu khoa học, các ấn phẩm của Trường. Trung tâm Thông tin - Thư viện hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng ban hành, phù hợp với pháp luật về thư viện, pháp luật về lưu trữ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trang thông tin điện tử của Trường có nhiệm vụ đăng tải thông tin liên quan đến các hoạt động của Nhà trường, đảm bảo các thông tin tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thông tin điện tử có Ban biên tập chịu trách nhiệm về nội dung thông tin và quản trị hệ thống; có quy chế hoạt động và cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên mạng Internet và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Tạp chí) của ĐHCNĐN đăng tải các công trình nghiên cứu nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường, có Ban quản trị, Ban biên tập.

Hoạt động của Tạp chí thực hiện theo quy chế về Tạp chí của Nhà trường. Trưởng Ban biên tập hoặc Tổng Biên tập có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy chế hoạt động và chịu trách nhiệm về thông tin, chất lượng khoa học của Tạp chí.

4. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng, Phó Trưởng các đơn vị trên được thực hiện như đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa. Trưởng, Phó Trưởng các đơn vị trên thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nhà trường.

Điều 36. Các tổ chức nghiên cứu khoa học, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

1. Các tổ chức nghiên cứu khoa học, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của ĐHCNĐN được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo nhu cầu hoạt động của Trường để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hợp tác quốc tế liên quan đến ngành nghề đào tạo của Trường; được tổ chức thành các đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Trường, dưới các hình thức và có các nhiệm vụ sau đây:

a) Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới hình thức Viện nghiên cứu để triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Các đơn vị sự nghiệp được tổ chức dưới hình thức trung tâm, xưởng in, nhà xuất bản và một số đơn vị khác để triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc đào tạo ngắn hạn, cập nhật kiến thức cho các đối tượng có nhu cầu ở trong và ngoài trường; xúc tiến việc phát triển quan hệ quốc tế, kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên; in ấn và xuất bản;

c) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ: Được tổ chức theo hình thức doanh nghiệp hoặc trung tâm dịch vụ để triển khai các dịch vụ về cung cấp thông tin, tư vấn; phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất; dịch vụ sinh viên; dịch vụ phục vụ cộng đồng và đáp ứng các nhu cầu của xã hội;

d) Các đơn vị quy định tại Khoản này chỉ thực hiện tổ chức đào tạo khi được Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có cấp chứng chỉ, chứng nhận, được quy định cụ thể trong Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.

2. Việc thành lập, giải thể, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này.

Điều 37. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị

Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ cấu tổ chức ĐHCNĐN được quy định theo quy định của pháp luật, các quy định tại Quy chế này và các quy định khác của ĐHCNĐN. Hội đồng trường quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHCNĐN.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Mục 1

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 38. Chương trình đào tạo, giáo trình giáo dục đại học

1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Chương trình đào tạo tùy theo chuyên ngành đào tạo của ĐHCNĐN được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, bao gồm các loại chương trình định hướng nghiên cứu, định hướng ứng

dụng, định hướng nghề nghiệp; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ, ngành đào tạo; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình đào tạo;

c) Căn cứ đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo, Hiệu trưởng ĐHCNĐN quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) ĐHCNĐN tự chủ, có trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

2. Giáo trình giáo dục đại học

a) Giáo trình giáo dục đại học ĐHCNĐN cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học bảo đảm mục tiêu của các trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

b) ĐHCNĐN sử dụng giáo trình các môn lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh để làm tài liệu giảng dạy, học tập do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn;

c) Hiệu trưởng ĐHCNĐN tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục đại học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập trong cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập;

d) ĐHCNĐN thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ và bản quyền trong sử dụng giáo trình và công bố công trình nghiên cứu khoa học.

3. Hiệu trưởng ĐHCNĐN quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học căn cứ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về các vấn đề trên.

Điều 39. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo. Số lượng tín chỉ cần tích lũy đối với mỗi trình độ được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Hiệu trưởng quyết định số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình và trình độ đào tạo phù hợp với quy định của pháp luật theo đề xuất của Hội đồng khoa học và đào tạo.

Thời gian đào tạo:

- Từ 3,5 năm đến 5 năm đối với đào tạo trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa;
- Từ 1,5 năm đến 2 năm đối với đào tạo trình độ thạc sỹ;
- Từ 3 năm đến 6 năm đối với đào tạo trình độ tiến sỹ.

Hiệu trưởng quyết định việc rút ngắn hay gia hạn thời gian đào tạo trong từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề xuất của các đơn vị liên quan.

Điều 40. Tổ chức, quản lý đào tạo, đánh giá quá trình đào tạo

1. ĐHCNĐN tổ chức và quản lý đào tạo theo tín chỉ, kết hợp tín chỉ và niên chế.
2. ĐHCNĐN liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở được liên kết đào tạo bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và người quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo; không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.
3. ĐHCNĐN phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên.
4. Căn cứ vào nhu cầu của địa phương và đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ĐHCNĐN cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học; đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác.
5. Việc tổ chức, quản lý, đánh giá quá trình đào tạo đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành của Việt Nam về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
6. ĐHCNĐN triển khai thỏa thuận, cam kết công nhận, chuyển đổi tín chỉ, kết quả học tập và các nội dung khác liên quan đến học tập khi thực hiện trao đổi sinh viên trong và ngoài nước trên cơ sở đảm bảo khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo theo quy định.
7. ĐHCNĐN ban hành quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 41. Hoạt động trợ giảng

Hoạt động trợ giảng nhằm hỗ trợ cho giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, chấm bài tập.

1. Trợ giảng, các nghiên cứu sinh, học viên cao học đang học tập, nghiên cứu ở bộ môn và các sinh viên giỏi năm cuối khóa, những người có kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài trường và các giảng viên có thể tham gia các hoạt động trợ giảng trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

2. Hoạt động trợ giảng, nhiệm vụ, quyền và chế độ phụ cấp cho những người tham gia hoạt động trợ giảng:

a) Việc giao thực hiện hoạt động trợ giảng đối với những người có kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài trường do Hiệu trưởng quyết định theo đề xuất của khoa phụ trách.

b) Nhiệm vụ, quyền và chế độ phụ cấp cho những người tham gia hoạt động trợ giảng thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Điều 42. Văn bằng giáo dục đại học.

1. Văn bằng giáo dục đại học của ĐHCNĐN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương.

2. Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của người học thì được Hiệu trưởng ĐHCNĐN cấp văn bằng ở trình độ đào tạo tương ứng.

3. Văn bằng tốt nghiệp được cấp kèm theo với bảng điểm và chứng chỉ của chương trình đào tạo.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo, đơn vị quản lý đào tạo thiết kế mẫu, in phôi, dự thảo quy định về cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật trình Hiệu trưởng ban hành, đảm bảo tính bảo mật, chống làm giả; Đơn vị quản lý đào tạo công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của ĐHCNĐN.

5. Người học tham gia chương trình trao đổi đào tạo giữa ĐHCNĐN với trường đại học nước ngoài, khi giữa hai trường có thỏa thuận công nhận chương trình, chuyển đổi tín chỉ lẫn nhau thì được cấp thêm bằng tốt nghiệp trong nước sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo và được trường đại học nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp.

6. Việc quản lý, cấp phát phôi, văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

Điều 43. Đảm bảo chất lượng đào tạo và kiểm định chất lượng đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm:

a) Trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong ĐHCNĐN phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của Nhà trường.

b) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành chính sách, kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học trong trường.

c) Phối hợp với các khoa, phòng, đơn vị thuộc Trường triển khai và đề xuất Hiệu trưởng các giải pháp duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, người quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch vụ khác.

d) Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục đại học theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học ĐHCNĐN; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHCNĐN và phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Tổ chức triển khai kế hoạch tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học.

e) Đề xuất Hiệu trưởng tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế; tham gia giám sát hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng trong hoạt động giáo dục và đào tạo; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

2. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đại học được sử dụng làm căn cứ để xác định chất lượng giáo dục đại học, vị thế và uy tín của ĐHCNĐN; thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình; hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ; căn cứ để Nhà nước và xã hội giám sát hoạt động của ĐHCNĐN; làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học, chương trình đào tạo; cho nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 44. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ của giảng viên, nghiên cứu viên, người quản lý.
2. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao.
3. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trong hoạt động khoa học và công nghệ

DHCNDN thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn về hoạt động khoa học và công nghệ cụ thể sau đây:

1. Xây dựng, thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.
2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo.
3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với năng lực khoa học, công nghệ của Nhà trường.
4. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.
5. Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới.
6. Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng
7. Tự chủ, có trách nhiệm giải trình trong việc ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
8. Sử dụng tiền, tài sản, giá trị tài sản trí tuệ, các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh.
9. Thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

10. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

11. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 46. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tổ chức đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường.
2. Ban hành quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.
3. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trong Nhà trường, các hoạt động gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
4. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ, xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.
5. Khen thưởng và vinh danh các người quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.
6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 47. Mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế

1. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Trường theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
2. Tạo điều kiện để Trường phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHCNĐN trong hoạt động hợp tác quốc tế

ĐHCNĐN thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về hoạt động hợp tác quốc tế thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học và một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Liên kết đào tạo.

2. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
3. Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị.
4. Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, người quản lý và người học.
5. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.
6. Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.
7. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.
8. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Nhà trường phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế được quy định tại Luật Giáo dục đại học và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.
9. Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo thẩm quyền.
10. Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.
12. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
13. Được bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 49. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

Đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của ĐHCNĐN thực hiện các nhiệm vụ:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHCNĐN phù hợp với quy định Luật giáo dục đại học và các văn bản pháp luật liên quan trình Hiệu trưởng phê duyệt.
2. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.
3. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

Chương IV
GIẢNG VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC TRONG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Mục 1
GIẢNG VIÊN

Điều 50. Giảng viên trong Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

1. Giảng viên trong ĐHCNĐN là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Luật giáo dục đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCNĐN.

2. Chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư.

3. Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

Điều 51. Chính sách đối với giảng viên

1. Giảng viên trong ĐHCNĐN được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

2. Giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư công tác trong ĐHCNĐN có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời ĐHCNĐN có nhu cầu.

Điều 52. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên

Giảng viên ĐHCNĐN thực hiện nhiệm vụ và quyền sau đây:

1. Giảng dạy, phát triển chương trình đào tạo, thực hiện đầy đủ, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo.

2. Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.

3. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.

5. Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

6. Tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học, tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác.

7. Độc lập về quan điểm chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội; được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác theo quy định của Nhà trường.

8. Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

9. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật, của Nhà trường.

Điều 53. Tập sự đối với giảng viên

1. Người trúng tuyển để làm giảng viên phải thực hiện chế độ tập sự 12 tháng.

2. Người đã thực hiện giảng dạy ở trường đại học tối thiểu 12 tháng không phải thực hiện chế độ tập sự theo đề xuất của khoa chuyên môn; người có bằng tiến sĩ và đã tham gia giảng dạy trong thời gian làm nghiên cứu sinh thì được Hiệu trưởng xem xét rút ngắn thời gian tập sự, hoặc miễn tập sự.

Các trường hợp không phải thực hiện chế độ tập sự theo đề xuất của Lãnh đạo khoa, phải có văn bản trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua Phòng Tổ chức - Hành chính.

3. Thời gian tập sự cụ thể được quy định trong hợp đồng lao động.

4. Nội dung tập sự

a) Nghiên cứu nắm vững quy định về quyền, nghĩa vụ của giảng viên, các hành vi giảng viên không được làm; tìm hiểu, nắm vững nội quy, quy định, quy chế đào tạo, Quy chế văn hoá ĐHCNĐN và các quy định khác liên quan của ĐHCNĐN và chức trách, nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng theo hợp đồng lao động đã ký kết;

b) củng cố, bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyên môn được phân công giảng dạy; chuẩn bị bài giảng; phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; quản lý lớp học;

c) Tham gia dự giờ, sinh hoạt chuyên môn học thuật của bộ môn, thực tập giảng dạy và thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng;

d) Hoàn thành chương trình và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với người chưa có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

5. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày người tập sự đến nhận việc, Trường khoa cử giảng viên có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

6. Hết thời gian tập sự theo đề nghị của Khoa chuyên môn, giảng viên tập sự sẽ được chuyển sang chế độ giảng viên chính thức hoặc phải tiếp tục tập sự thời gian không quá 6 tháng. Nếu hết thời gian tập sự thêm mà người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định của khoa chuyên môn thì ĐHCNĐN không ký hợp đồng lao động.

Điều 54. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên

1. Giảng viên thỉnh giảng trong ĐHCNĐN được quy định tại Luật Giáo dục.

Giảng viên thỉnh giảng thực hiện các nhiệm vụ và được hưởng các quyền theo hợp đồng thỉnh giảng được ký giữa Hiệu trưởng ĐHCNĐN với giảng viên thỉnh giảng.

2. ĐHCNĐN mời giảng viên thỉnh giảng, mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các hoạt động khác trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

3. Quy định cụ thể về giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 55. Các hành vi giảng viên không được làm

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác.
2. Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.
3. Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
4. Các hành vi vi phạm quy định khác theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

Điều 56. Đánh giá giảng viên

1. Đánh giá giảng viên được thực hiện theo quy định của Trường và của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc đánh giá giảng viên phải đảm bảo tính khách quan, chân thực, công bằng, đầy đủ, phản ánh được thực chất về trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm, khả năng nghiên cứu khoa học; về đạo đức, tác phong của giảng viên.

Mục 2

NGƯỜI HỌC

Điều 57. Người học trong Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Người học là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại ĐHCNĐN, gồm sinh viên của chương trình đào tạo đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên bồi dưỡng ngắn hạn, thực hành, thực tập tại trường.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền của người học

Người học có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.
2. Tôn trọng giảng viên, người quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.
3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.
4. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân; được định hướng nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.
5. Được bảo đảm điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp, hoạt động rèn luyện kỹ năng hoàn thiện bản thân, tham gia hoạt động đoàn thể, hoạt động vì cộng đồng và hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.
6. Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
7. Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.
8. Chấp hành các quy chế học vụ, quy định về văn hoá ĐHCNĐN, các quy định của Nhà nước và ĐHCNĐN liên quan đến người học; thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ tài chính, các nghĩa vụ khác đối với ĐHCNĐN theo quy định.
9. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật liên quan và Nhà trường.

Điều 59. Các hành vi người học không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, người quản lý giáo dục, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
3. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
4. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.
5. Các hành vi vi phạm các quy định của Pháp luật và Nhà trường.

Điều 60. Nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Trường

1. Người học chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng và chi phí đào tạo do ĐHCNĐN cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo thỏa thuận giữa ĐHCNĐN và cơ sở giáo dục nước ngoài thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của ĐHCNĐN trong thời gian ít nhất là gấp ba thời gian được hưởng học bổng, các chế độ, chi phí liên quan Nhà trường hỗ trợ trong thời gian đi học, nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí liên quan mà Nhà trường đã thanh toán.

2. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp, ĐHCNĐN thực hiện phân công làm việc đối với người học đã được công nhận tốt nghiệp, quá thời hạn trên, nếu người học không được phân công làm việc thì không phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.

3. Việc bồi hoàn học bổng, chi phí liên quan theo từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận giữa ĐHCNĐN và người học.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Điều 61. Nguồn tài chính của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

1. Các khoản thu của Nhà trường bao gồm:

a) Học phí và khoản thu từ hoạt động đào tạo chính quy bao gồm các bậc: Đại học, sau đại học, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động đào tạo;

b) Học phí thu từ các loại hình đào tạo khác như đào tạo liên thông, vừa học vừa làm, từ xa, ngắn hạn, tạo các lớp liên kết trong và ngoài trường, hợp tác quốc tế;

c) Khoản thu từ các học phần còn lại;

d) Khoản thu từ tuyển sinh;

- e) Khoản thu từ vay quỹ tín dụng, góp vốn cho các mục đích đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), các nguồn đóng góp xây dựng cơ sở vật chất;
- f) Khoản thu từ các nguồn tài trợ, viện trợ;
- g) Khoản thu từ lệ phí thi lại;
- h) Khoản thu từ tiền ở ký túc xá của sinh viên;
- i) Khoản thu từ nhận đặt hàng đào tạo, nghiên cứu của Nhà nước, tổ chức và cá nhân; thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước giao;
- j) Khoản thu từ đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hằng năm của cơ sở giáo dục đại học;
- k) Khoản thu từ đầu tư góp vốn hợp tác đào tạo và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phục vụ cộng đồng, đầu tư tài chính (nếu có) và nguồn thu hợp pháp khác;
- l) Nguồn vốn vay.
- m) Các khoản thu khác.

2. Tất cả các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, các hoạt động sản xuất dịch vụ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân... tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường đều thống nhất nộp về Phòng Kế hoạch - Tài chính.

3. Các nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng, cho của cựu sinh viên, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

4. Ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

Điều 62. Học phí và khoản thu dịch vụ khác

1. Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp cho ĐHCNĐN để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo.

2. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tự chủ quyết định mức thu học phí.

3. Mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định trên nguyên tắc tính đủ chi phí hợp lý thực tế phát sinh.

4. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của ĐHCNĐN.

5. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 63. Quản lý tài chính của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

1. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của ĐHCNĐN thực hiện dành ít nhất là 25% để đầu tư phát triển Trường, cho các hoạt động giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, người quản lý giáo dục, người lao động, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học và thực hiện trách nhiệm xã hội.

3. Hằng năm, ĐHCNĐN phải thực hiện kiểm toán và công khai tài chính, việc sử dụng các nguồn tài chính phải theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Quản lý và sử dụng tài sản của Trường

Tài sản của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được sử dụng theo nguyên tắc sau đây:

a) Tài sản của Nhà nước và quyền sử dụng đất được Nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học phải được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai; không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với tài sản khác của Nhà nước phải theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển; việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Tài sản chung hợp nhất không phân chia bao gồm tài sản được viện trợ, tài trợ, hiến tặng, cho tặng và tài sản khác được pháp luật quy định là tài sản chung hợp nhất không phân chia, thuộc sở hữu của cộng đồng Nhà trường, do Hội đồng trường đại diện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người chuyển giao quyền sở hữu tài sản (nếu có) vì mục đích phát triển của Trường và lợi ích của cộng đồng, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển; không được chuyển thành sở hữu tư nhân dưới bất cứ hình thức nào.

Trong trường hợp chuyển nhượng vốn của Trường thì tài sản chung hợp nhất không phân chia không được tính vào giá trị tài sản được định giá của Trường.

Trong trường hợp giải thể Trường, tài sản chung hợp nhất không phân chia được coi là tài sản chung của cộng đồng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng cho mục đích phát triển giáo dục đại học;

c) Đối với tài sản không được quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHCNĐN có quyền tự quyết định việc quản lý, sử dụng, định đoạt và tự chịu trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 65. Sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi trong Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của ĐHCNĐN được sử dụng như sau:

1. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, đóng góp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.
2. Chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ vốn góp sau khi đã thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định hiện hành và theo Quy chế thu, chi nội bộ, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường.
3. Mức chi trả thu nhập cho người lao động và mức chi lợi tức cho các thành viên góp vốn và các khoản chi khác thực hiện theo Quy chế thu, chi nội bộ và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường.
4. Các khoản chi khác theo quy định tại Quy chế thu, chi nội bộ, các quy định khác của Nhà trường và Pháp luật liên quan.

Điều 66. Chuyển nhượng quyền vốn góp, mua lại phần vốn góp, rút vốn trong Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Việc chuyển nhượng quyền vốn góp, mua lại phần vốn góp, rút vốn trong ĐHCNĐN phải được sự chấp thuận bằng văn bản của các nhà sáng lập trường, chủ đầu tư.

Việc chuyển nhượng quyền vốn góp, mua lại phần vốn góp, rút vốn trong ĐHCNĐN được lựa chọn thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA TRƯỜNG

Điều 67. Quan hệ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đối với gia đình và xã hội

Nhà trường bảo đảm các mối quan hệ sau:

1. Phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục tại Nhà trường, gia đình và xã hội.
2. Thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, có giải pháp thu hút các tổ chức xã hội, các tổ chức tuyển dụng, các doanh nghiệp, các bên liên quan khác tham gia

đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; góp ý kiến cho Nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo, phát triển chương trình đào tạo; hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp, giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.

3. Phổ biến trong cộng đồng các tri thức khoa học, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 68. Quan hệ giữa Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai và các cơ quan hữu quan, các tổ chức, doanh nghiệp

1. Nhà trường phối hợp cùng các cơ quan hữu quan, các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức sự nghiệp có liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

2. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai phối hợp với các cơ quan nhà nước các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức liên quan ở trong và ngoài nước để: Xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký kết các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

3. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao.

4. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tạo điều kiện để các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong trường quan hệ với các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan các cấp nhằm phối hợp để thực hiện tốt các nội dung như sau:

a) Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống;

b) Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực; bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn của người học; ngăn chặn việc sử dụng ma túy và các tệ nạn xã hội khác xâm nhập vào Nhà trường;

c) Hỗ trợ theo khả năng về tài lực, vật lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, công tác của đội ngũ người quản lý, giảng viên, nhân viên và người học trong Nhà trường.

Chương VII
THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG
VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 69. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động của trường theo các quy định hiện hành.
2. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân (lãnh đạo, giảng viên, nhân viên) của ĐHCNĐN thực hiện tốt Quy chế này, có thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và người học có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng theo quy định của Nhà trường và của pháp luật.

Điều 71. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường và của ngành.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Tổ chức thực hiện

1. Mọi quy định trước đây trước với Quy chế này đều bị bãi bỏ.
2. Các tập thể, cá nhân của ĐHCNĐN có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cá nhân, đơn vị, tổ chức kịp thời tổng hợp báo cáo bằng văn bản (thông qua Phòng Thanh tra - Pháp chế) trình Hội đồng trường để xem xét theo quy định.
3. Việc quy định cụ thể hóa, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng thực hiện không được trái Quy chế này./.

TM HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ
ĐỒNG NAI

Phan Ngọc Sơn